

Số: 27 /BC-UBND

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 5 năm 2016

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

Thực hiện Công văn số 772/VPQH-GS ngày 13/4/2016 của Văn phòng Quốc hội về việc Đoàn giám sát của UBTWQH giám sát chuyên đề “Việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp” tại tỉnh Thanh Hóa; ý kiến kết luận của đồng chí Nguyễn Văn Phúc, Phó Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế Quốc hội, Trưởng đoàn giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại buổi làm việc với UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND tỉnh Thanh Hóa báo cáo hoàn chỉnh tình hình, kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2015 gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, như sau:

Tỉnh Thanh Hóa nằm ở vùng Bắc Trung bộ, có diện tích tự nhiên 11.129,48 km² (đứng thứ 5 cả nước); có 27 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: 01 thành phố, 02 thị xã và 24 huyện với 635 xã, phường, thị trấn, trong đó có 573 xã thực hiện xây dựng NTM; dân số trên 3,5 triệu người (đứng thứ 3 cả nước); địa hình chia làm 3 vùng rõ rệt: Vùng miền núi, đồng bằng và ven biển. Thanh Hóa có vị trí khá thuận lợi và có đủ các loại hình giao thông, như: Đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không;

Diện tích đất sản xuất nông, lâm, thủy sản 846.909 ha, chiếm 76,1% diện tích tự nhiên, trong đó: Đất nông nghiệp 247.526 ha, đất lâm nghiệp 585.592 ha; vùng lãnh hải rộng hơn 1,7 vạn km², với bờ biển dài 102 km, trên 8.000 ha bãi triều, dọc ven biển có hơn 5.000 ha nước mặn ở vùng quanh đảo Mê, đảo Nẹ.

Những đặc điểm nêu trên tạo cho Thanh Hóa những thuận lợi cơ bản, có khả năng và điều kiện vươn lên trở thành một địa phương có nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa lớn, sản phẩm đa dạng, phong phú.

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH BAN HÀNH VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ VIỆC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NTM GIAI ĐOẠN 2010-2015 GẮN VỚI TÁI CƠ CẤU NGÀNH NÔNG NGHIỆP.

I. Tình hình triển khai.

1. Thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình.

Ngay sau khi Chương trình MTQG xây dựng NTM được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Thanh Hóa đã thành lập BCĐ từ tỉnh đến cơ sở do Bí thư cấp ủy làm trưởng ban; các xã đồng thời thành lập Ban quản lý xây dựng NTM

xã do Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban; các thôn, bản thành lập Ban phát triển thôn, bản do Bí thư Chi bộ làm trưởng ban. Hàng năm, BCD các cấp được kiện toàn, củng cố kịp thời để lãnh đạo, chỉ đạo Chương trình xây dựng NTM tại cơ sở.

BCĐ các cấp đã ban hành Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên BCD phụ trách các tiêu chí theo lĩnh vực chuyên môn, theo đó, thành viên BCD các cấp đã chủ động chỉ đạo, nắm bắt tình hình, động viên và giúp đỡ kịp thời các địa phương tháo gỡ khó khăn, bất cập trong quá trình tổ chức thực hiện.

Đến nay, ngoài việc thành lập Văn phòng Điều phối chuyên trách cấp tỉnh, đã có 26/27 huyện thành lập Văn phòng Điều phối cấp huyện và 573 xã đã có cán bộ theo dõi xây dựng NTM. Việc thành lập Văn phòng Điều phối cấp tỉnh, huyện và phân công phụ trách NTM của các xã đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình từ tỉnh đến cơ sở.

2. Về ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo.

Bám sát mục tiêu, nội dung Chương trình MTQG xây dựng NTM và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2010-2015, Tỉnh ủy đã ban hành: Quyết định số 197-QĐ/TU về Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015, đây là một trong 5 chương trình trọng tâm của tỉnh; Chỉ thị số 10-CT/TU về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2012-2015; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 14/11/2013 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giảm nghèo nhanh và bền vững các huyện miền núi Thanh Hóa đến năm 2020;

UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án tổng thể xây dựng NTM tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2010 - 2020, định hướng đến 2030; ban hành Kế hoạch số 44/KH-UBND về triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 1457/QĐ-UBND về hướng dẫn lập quy hoạch xã NTM (quy hoạch 3 trong 1); Quyết định số 1666/QĐ-UBND về hướng dẫn quy trình đánh giá xã đạt các tiêu chí NTM phục vụ công tác lập quy hoạch, xây dựng đề án và kế hoạch xây dựng NTM của các địa phương; Quyết định 4296/2013/QĐ-UBND về ban hành tiêu chí công nhận xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh; Quyết định 145/2013/QĐ-UBND quy định về trình tự, thủ tục xét, công nhận và tổ chức công bố “Xã đạt chuẩn NTM”; Quyết định số 3655/2013/QĐ-UBND về quy trình lấy phiếu đánh giá sự hài lòng của người dân trong xây dựng NTM; Quyết định số 717/2014/QĐ-UBND về tiêu chí, trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận và tổ chức công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM trên địa bàn tỉnh; Quyết định 1901/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 phê duyệt thiết kế mẫu Trụ sở xã, Trạm y tế xã; Hội trường văn hóa đa năng thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM.

Các sở, ngành cấp tỉnh, theo chức năng, nhiệm vụ được giao đã ban hành các văn bản hướng dẫn các nội dung thực hiện và đánh giá kết quả đạt được của các tiêu chí do từng ngành phụ trách; các huyện đã ban hành Nghị quyết chuyên đề, Kế hoạch cụ thể để chỉ đạo thực hiện xây dựng NTM tại địa phương.

Thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; Chỉ thị số 2039/CT-BNN-KH ngày 20/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp; ngày 20/4/2015, BCH Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TU về tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến năm 2020, định hướng đến năm 2025. Để triển khai Nghị quyết số 16-NQ/TU, Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 107-KH/TU ngày 15/7/2015 về tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 16-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2320/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 về Chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU ngày 20/4/2015; Quyết định số 4407/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 về kế hoạch thực hiện tái cơ cấu ngành thủy lợi tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2015-2020.

3. Công tác tuyên truyền, đào tạo, tập huấn:

Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đã được triển khai toàn diện, rộng khắp và bằng nhiều hình thức từ tỉnh đến cơ sở; nhân dịp kỷ niệm 65 năm ngày Bác Hồ lần đầu tiên về thăm Thanh Hóa (20/02/1947 - 20/02/2012), Tỉnh ủy, HĐND, UBND, MTTQ tỉnh đã tổ chức Lễ phát động phong trào thi đua "*Chung sức xây dựng NTM*" xây dựng Thanh Hóa trở thành tỉnh kiểu mẫu.

Giai đoạn 2011 - 2015, Đài Phát thanh, Truyền hình tỉnh đã phát sóng 471 chuyên mục "xây dựng NTM", lồng ghép tuyên truyền về NTM trên 70 chuyên mục truyền hình và 64 chuyên mục trên sóng phát thanh;

Mặt trận Tổ quốc các cấp và các tổ chức thành viên đã xây dựng 354 cụm pano, trên 170 ngàn băng zôn, cấp phát 1.720 cuốn tài liệu tuyên truyền về xây dựng NTM; Văn phòng Điều phối tỉnh đã phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Báo Thanh Hóa xuất bản ấn phẩm "Gương sáng trong xây dựng NTM", phát hành 43.000 cuốn "Bản tin xây dựng NTM".

Các tổ chức chính trị - xã hội, các sở, ban, ngành cấp tỉnh và các địa phương tổ chức nhiều hoạt động để tuyên truyền như: Tổ chức các cuộc thi viết, sân khấu hóa và hàng ngàn buổi sinh hoạt các câu lạc bộ, ký kết Chương trình phối hợp trong công tác tuyên truyền về xây dựng NTM...

Cùng với công tác tuyên truyền, trong 5 năm qua, đã tổ chức 75 lớp bồi dưỡng, tập huấn cho 11.362 lượt đối tượng là cán bộ các ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh, thành viên BCD cấp huyện, xã và cán bộ thôn, bản các kiến thức về xây dựng NTM; Văn phòng Điều phối phối hợp với Trường Chính trị tỉnh tổ chức 05 Hội thảo về "*Nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền cấp xã trong xây dựng NTM*", thu hút 1.800 đối tượng là Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy xã, Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp xã tham gia; đào tạo nghề cho 8.337 lao động nông thôn, thời gian dưới 3 tháng; tập huấn nâng cao năng lực cho 2.100 cán bộ quản lý HTX.

II. Tình hình thực hiện các chính sách của Trung ương và ban hành, thực hiện các chính sách của tỉnh.

1. Tình hình thực hiện các chính sách của Trung ương

(1). Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất theo Chương trình MTQG giảm nghèo nhanh bền vững theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ và Quyết định số 551/QĐ-TTg ngày 04/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình 135.

Nhìn chung, nội dung hỗ trợ đa dạng, mặc dù mức hỗ trợ còn thấp, nhưng đã đáp ứng một phần nhu cầu trong phát triển kinh tế của các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các hộ dân thuộc vùng đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, việc thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất đa số còn dàn trải, các nội dung hỗ trợ chưa thực sự tạo ra được những chuyển biến rõ nét. Kinh phí hỗ trợ chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

(2). Hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ

Trong 5 năm qua, UBND tỉnh đã phân bổ 73.522 triệu đồng để thực hiện 784 mô hình Phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn ở các địa phương.

Việc hỗ trợ các mô hình phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn đáp ứng được yêu cầu thực tế, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao trình độ và năng lực sản xuất, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân. Tuy nhiên, nguồn kinh phí và định mức hỗ trợ xây dựng các mô hình còn thấp, nên việc triển khai và nhân rộng các mô hình gặp khó khăn, nhất là đối với các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật cao.

(3). Chính sách quản lý, sử dụng đất trồng lúa theo Nghị định số 42/2012/NĐ-CP của Chính phủ

Từ năm 2012-2015, toàn tỉnh được hỗ trợ 461.000 triệu đồng; hỗ trợ cho người trực tiếp sản xuất lúa 230.500 triệu đồng; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng (xây dựng kênh mương, giao thông nội đồng), mua máy thu hoạch lúa, hỗ trợ khai hoang cải tạo đồng ruộng, hỗ trợ phát triển làng nghề nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới 230.500 triệu đồng. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ cho người trực tiếp sản xuất lúa chưa đem lại hiệu quả cao, vì định mức hỗ trợ còn rất thấp.

(4). Chính sách hỗ trợ giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản theo Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg ngày 15/10/2010

Đến nay, Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Thanh Hoá đã cho 56 tổ chức, cá nhân vay 10.629 triệu đồng, tổng lãi suất hỗ trợ 739,5 triệu đồng để mua máy móc, thiết bị, chủ yếu là máy gặt đập liên hợp và máy làm đất, số máy phục vụ trong chế biến nông sản rất hạn chế.

Chính sách đã được thay thế bằng Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

(5). Chính sách phát triển rừng sản xuất theo Quyết định 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ

Chính sách đã khuyến khích người dân tích cực tham gia trồng rừng sản xuất, góp phần quan trọng trong việc bảo vệ môi trường, cung cấp nguồn nước,

hạn chế thiên tai, lũ lụt, chống biến đổi khí hậu, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội; giai đoạn 2011-2015, trồng mới 53,4 nghìn ha rừng, nâng tỷ lệ che phủ từ 49% năm 2010 lên 52% năm 2015. Tuy nhiên, nguồn kinh phí hỗ trợ còn ít so với nhu cầu trồng rừng của nhân dân.

(6). Chính sách hỗ trợ rủi ro do thiên tai

Thực hiện Quyết định số 142/2009/QĐ-TTg ngày 31/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh đã góp phần giảm bớt khó khăn cho bà con nông dân khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra, nhanh chóng ổn định và phát triển sản xuất. Tuy nhiên, mức hỗ trợ thấp, thủ tục hỗ trợ rườm rà.

(7). Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ

Qua 5 năm thực hiện, có 29.116 người lao động nông thôn được học nghề (11.059 người học nghề phi nông nghiệp, 11.107 người học nghề nông nghiệp), với tổng kinh phí là 161 tỷ đồng. Lao động học nghề nông nghiệp xong có thể áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi. Đối với nghề phi nông nghiệp, người lao động có thể bắt tay vào sản xuất và có sản phẩm ngay, góp phần tăng thu nhập cho gia đình. Chính sách được các địa phương hưởng ứng thực hiện mang lại hiệu quả; một số địa phương đã gắn chương trình xây dựng NTM với đào tạo nghề, từng bước chuyển dịch dần một bộ phận lao động nông nghiệp sang làm việc ở các ngành nghề phi nông nghiệp.

(8). Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn

Thực hiện Nghị định 61/2010/NĐ-CP ngày 04/6/2010 của chính phủ, hàng năm, Thanh Hóa đã bố trí từ 5-7 tỷ đồng để thực hiện chính sách này, song vẫn không giải ngân được, nguyên nhân một mặt là do chưa có doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của Nghị định; mặt khác, mức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP nhìn chung còn thấp, trong khi đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn có độ rủi ro cao nên chưa thực sự hấp dẫn các doanh nghiệp. Quy trình, thủ tục để được nhận các khoản hỗ trợ đầu tư từ Ngân sách Nhà nước còn phức tạp.

Ngày 19/12/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 210/2013/NĐ-CP thay thế cho Nghị định số 61/2010/NĐ-CP, đến nay, tỉnh đã thực hiện hỗ trợ cho Công ty Cổ phần nông nghiệp Tiến Nông 5 tỷ đồng với dự án Phát triển SX lúa, gạo tại Thanh Hóa; đang đề nghị Bộ kế hoạch và Đầu tư cân đối nguồn vốn để hỗ trợ cho Công ty Cổ phần đầu tư Vitha Milk với dự án Trang trại chăn nuôi bò sữa tại xã Vân Sơn, huyện Triệu Sơn và Trang trại chăn nuôi bò sữa tại xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam VinaMilk, đồng thời, đang tập hợp hồ sơ của một số công ty đã được chấp thuận địa điểm đầu tư, đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, hỗ trợ.

(9). *Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12/4/2010 của Chính phủ.*

Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã có 327.000 lượt khách hàng được vay vốn theo chính sách trên để đầu tư vào sản xuất, chế biến, kinh doanh dịch vụ thuộc lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và phát triển ngành nghề nông thôn, trong đó: khách hàng là cá nhân, hộ gia đình 317.400 lượt, khách hàng là chủ trang trại 1.274 lượt và khách hàng là các hợp tác xã 117 lượt, các doanh nghiệp 4.600 lượt với tổng dư nợ cho vay là 6.611 tỷ đồng.

(10). *Một số chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ và Chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ, giai đoạn 2015 - 2020 theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg ngày 04/9/2014.*

Thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, đến hết tháng 3/2016, Thanh Hóa đã phê duyệt danh sách 65 chủ tàu cá đủ điều kiện đóng mới tàu khai thác xa bờ và tàu dịch vụ hậu cần nghề cá (25 tàu vỏ gỗ và 38 tàu vỏ thép); đã ký hợp đồng tín dụng với 28 chủ tàu với tổng số tiền cam kết cho vay là 292,2 tỷ đồng, đã giải ngân được 123 tỷ đồng. Đến nay, trên địa bàn tỉnh đã hạ thủy được 07 tàu (06 tàu vỏ gỗ và 01 tàu vỏ thép).

Đối với chính sách chăn nuôi nông hộ, năm 2016, tỉnh đã bố trí 20 tỷ đồng vốn đối ứng, cùng với nguồn vốn của Trung ương đã được cân đối, hiện nay, tỉnh đang triển khai thực hiện.

(11). *Việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Trung ương về Chương trình MTQG xây dựng NTM.*

Căn cứ Nghị quyết số 26-NQ/TW, Hội nghị lần thứ 7, BCH Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; các Quyết định số 800/QĐ-TTg, số 491/QĐ-TTg, số 695/QĐ-TTg, số 498/QĐ-TTg... của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trên cơ sở các văn bản, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, Thanh Hóa đã chủ động triển khai, quán triệt nghiêm túc trong cấp ủy, chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể các cấp. Theo đó, đã có sự tập trung chỉ đạo quyết liệt, tạo được sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự đồng tình, hưởng ứng của người dân; Trong quá trình tổ chức thực hiện, tỉnh luôn bám sát các quy định, hướng dẫn của Trung ương và thực tế của địa phương để thực hiện, với tinh thần quyết tâm trong ý chí, quyết liệt trong chỉ đạo, không chần chừ, chờ đợi nhưng cũng không nóng vội, chạy theo thành tích; xây dựng lộ trình, kế hoạch thực hiện phù hợp, hiệu quả; Trên cơ sở tiêu chí thôn, bản NTM, triển khai thực hiện xây dựng NTM từ thôn, bản đối với những xã khó khăn, chưa có điều kiện thực hiện xây dựng NTM quy mô xã; thực hiện tốt từ công tác chỉ đạo, điều hành, tuyên truyền, tập huấn, lập quy hoạch đến xây dựng đề án, với phương châm, vừa chỉ đạo thực hiện điểm, vừa triển khai trên diện rộng, vừa xây dựng xã NTM, vừa xây dựng thôn, bản NTM; phân định rõ việc gì hộ gia đình làm, việc gì thôn, bản, xã làm, việc gì nhà nước cần định hướng và hỗ trợ. Phát huy dân chủ trong xây dựng mục tiêu và huy động nguồn lực để xây dựng NTM, không ép buộc hoặc huy động quá

sức dân; công khai, minh bạch trong tổ chức thực hiện; thông qua kết quả bỏ phiếu về sự hài lòng của người dân làm thước đo kết quả xây dựng NTM của các địa phương.

2. Về ban hành, thực hiện các cơ chế, chính sách của tỉnh.

2.1. Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển trồng trọt

(1) Cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hạt giống lúa lai F1, giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 270/2011/QĐ-UBND ngày 21/01/2011 của UBND tỉnh:

Từ năm 2011-2015, Ngân sách tỉnh đã hỗ trợ 34.070 triệu đồng với tổng diện tích được hưởng chính sách giai đoạn 2011-2015 là 3.462 ha.

Việc thực hiện chính sách đã hình thành vùng sản xuất hạt giống lúa lai F1 hàng hóa ổn định, tập trung tại các huyện Yên Định, Thọ Xuân, Hoằng Hóa, Thiệu Hóa; thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư cùng với các Hợp tác xã và hộ nông dân; hình thành các Liên minh sản xuất, chế biến và tiêu thụ hạt giống lúa theo chuỗi liên kết; mang lại lợi ích cho cả nông dân, HTX và doanh nghiệp.

(2) Cơ chế, chính sách xây dựng vùng thâm canh lúa năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, giai đoạn 2009-2013 theo Quyết định số 1304/2009/QĐ-UBND ngày 29/4/2009 của UBND tỉnh và được kéo dài thời gian thực hiện đến 31/12/2015 theo Quyết định số 1415/2014/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 của UBND tỉnh.

Từ năm 2009-2015, ngân sách tỉnh đã hỗ trợ 324.976,9 triệu đồng cho diện tích 61.873 ha vùng lúa thâm canh năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, nhờ đó, đã kiên cố hóa 636 km kênh mương, 965 km đường giao thông, mua 602 máy gặt đập liên hợp.

Thông qua thực hiện chính sách, hiệu quả trong sản xuất lúa gạo được nâng lên rõ rệt, trình độ thâm canh và ý thức sản xuất lúa gạo hàng hóa của nhân dân được nâng cao. Chính sách đã huy động được đáng kể nguồn vốn ngoài ngân sách để đầu tư máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất theo hình thức cơ giới hóa đồng bộ.

(3) Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển cây cao su tiểu điền, giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 269/2011/QĐ-UBND ngày 21/01/2011 của UBND tỉnh.

Từ năm 2011-2015, Ngân sách tỉnh đã hỗ trợ 64.876,1 triệu đồng, nâng tổng diện tích cao su lên 18.650 ha; chính sách đã khuyến khích nông dân miền núi khai thác quỹ đất, lao động và nguồn vốn cùng với chính sách của tỉnh để đầu tư chuyển dịch cơ cấu cây trồng có giá trị kinh tế thấp sang trồng cao su.

(4) Cơ chế, chính sách phát triển sản xuất rau an toàn tập trung, giai đoạn 2013-2015 theo Quyết định số 618/2013/QĐ-UBND ngày 19/02/2013.

Ngân sách tỉnh đã hỗ trợ từ năm 2011-2015 là 33.800 triệu đồng, nhờ đó, đã xây dựng vùng tập trung chuyên canh rau đạt 112,3 ha, sản xuất từ 3-4 vụ/năm; xây dựng 51.500 m² nhà lưới đảm bảo sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP.

2.2. Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi

(1) Cơ chế, chính sách hỗ trợ giống gốc vật nuôi theo Quyết định số 1745/2011/QĐ-UBND ngày 03/6/2011 của UBND tỉnh.

Ngân sách tỉnh đã hỗ trợ từ năm 2011-2015 là 15.943 triệu đồng. Hàng năm Sở Nông nghiệp và PTNT ký hợp đồng sản xuất giống lợn với 7 cơ sở để cung cấp giống lợn bố mẹ, nhờ đó, đã chủ động sản xuất đàn lợn giống bố mẹ tại chỗ có chất lượng đảm bảo và giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu chăn nuôi của nhân dân trong tỉnh; ký hợp đồng với Công ty CP giống và phát triển gia cầm Thanh Hóa cung cấp giống gia cầm bố mẹ đạt tiêu chuẩn cho nhân dân để phát triển đàn gia cầm trên toàn tỉnh.

(2) Cơ chế, chính sách phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo Quyết định số 271/2011/QĐ-UBND ngày 21/1/2011 của UBND tỉnh.

Ngân sách tỉnh đã hỗ trợ từ năm 2011-2015 là 29.020 triệu đồng; Hàng năm đã thụ tinh nhân tạo cho trên 40.000 con trâu, bò cái, đưa tỷ trọng bò lai lên 60,2% trên tổng đàn, tạo bước chuyển biến mạnh về số lượng và chất lượng đối với đàn trâu, bò.

Ngoài ra, từ năm 2011-2015, ngân sách tỉnh đã hỗ trợ 20.192 triệu đồng, tiêm phòng cho 116.000 con trâu, bò và 141.000 con lợn, tạo cho các hộ nghèo yên tâm chăn nuôi.

Từ năm 2011-2015, tỉnh đã hỗ trợ 107.595 triệu đồng để phát triển 527 trang trại theo tiêu chí mới, trong đó có 71 trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn, đảm bảo an toàn dịch bệnh.

(3) Cơ chế, chính sách phát triển trang trại chăn nuôi bò sữa tập trung, giai đoạn 2012-2015 theo Quyết định số 2009/2012/QĐ-UBND ngày 28/6/2012.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai thực hiện các Chương trình phát triển Bò sữa gồm:

- Chương trình phát triển Bò sữa của Vinamilk: Công ty Sữa Việt Nam đã xây dựng Trại bò Thanh Hóa 2 tại xã Phú Nhuận, huyện Như Thanh quy mô 2.000 con; đến nay, tổng đàn của Trại đạt hơn 3.000 con. Dự án phát triển Trung tâm các trang trại bò sữa, quy mô 16.000 con tại Thống nhất, Công ty Sữa Việt Nam đã hoàn tất thủ tục thành lập Công ty TNHH bò sữa Thống nhất Thanh Hóa.

- Chương trình phát triển Bò sữa của TH True Milk với quy mô 20.000 con: Công ty CP ứng dụng công nghệ cao Nông nghiệp và thực phẩm sữa TH tại Thanh Hóa đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 21/10/2013; UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch vùng nguyên liệu cho dự án chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp tại Quyết định số 4519/QĐ-UBND ngày 17/12/2014.

Các doanh nghiệp không tham gia hưởng chính sách theo Quyết định 2009/2012/QĐ-UBND của UBND tỉnh, hiện đang lập hồ sơ đề nghị hưởng chính sách theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

2.3. Cơ chế, chính sách khuyến khích xây dựng NTM ban hành theo Quyết định số 728/2013/QĐ-UBND ngày 01/3/2013 và Quyết định số 3301/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh.

(1) Hỗ trợ xây dựng công trình.

Từ năm 2013-2015, tỉnh đã phân bổ 368,993 tỷ đồng, hỗ trợ cải tạo và xây mới 55 Trụ sở xã; xây mới và cải tạo 24 Trạm y tế và 77 Trung tâm văn hóa - thể thao xã. Việc hỗ trợ từ chính sách đã giúp các xã có thêm nguồn lực, đồng thời kích thích huy động nguồn đối ứng được 280 tỷ đồng (tương ứng 43% tổng vốn xây dựng) để xây dựng công trình, đáp ứng yêu cầu các tiêu chí NTM.

(2) Hỗ trợ xã đạt chuẩn NTM.

Đến hết năm 2015, tỉnh đã hỗ trợ 46,5 tỷ đồng từ ngân sách tỉnh cho 45 xã đạt chuẩn NTM, nhờ đó, đã động viên kịp thời các xã có nỗ lực cao trong xây dựng NTM; tạo động lực và khí thế thi đua giữa các xã trong việc phấn đấu hoàn thành xây dựng NTM. Giúp các xã có thêm nguồn lực để thanh toán các hạng mục đã đầu tư, duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí.

(3) Cơ chế hỗ trợ cho các xã mua xi măng.

Từ năm 2012, tỉnh đã chủ trương sử dụng vốn hỗ trợ từ ngân sách Trung ương Chương trình MTQG xây dựng NTM cho các xã mua xi măng xây dựng giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, kênh mương nội đồng...

Giai đoạn 2012-2015 đã hỗ trợ 258,76 tỷ đồng cho các xã mua 222.482 tấn xi măng. Từ nguồn xi măng được hỗ trợ, các địa phương đã huy động thêm vốn đối ứng gấp 5-7 lần vốn hỗ trợ để đầu tư cải tạo, nâng cấp, làm mới 1.142 km giao thông nông thôn, 399 km giao thông nội đồng, 196 km kênh mương, 269 nhà văn hóa thôn,... Đây là chủ trương được các địa phương, nhân dân trong tỉnh đồng tình ủng hộ.

Giai đoạn 2016 - 2020, cơ chế, chính sách trên tiếp tục được thực hiện theo Quyết định số 3301/2015/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh.

2.4. Cơ chế để lại nguồn thu từ đấu giá cấp quyền sử dụng đất

Ngày 19/12/2011, UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quyết định số 4259/2011/QĐ-UBND về việc điều chỉnh tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất giữa các cấp ngân sách tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2012-2015, quy định tỉ lệ phân chia nguồn thu từ đấu giá cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn các huyện: ngân sách huyện 70%, ngân sách xã 30%; các xã điểm xây dựng NTM được hưởng 100%.

Giai đoạn 2011-2015, ngân sách cấp xã đã thu từ đấu giá cấp quyền sử dụng đất khoảng 2.650 tỷ đồng (bình quân 4,6 tỷ đồng/xã). Đây là một cơ chế hiệu quả, phù hợp, giúp các xã chủ động được nguồn lực trong thực hiện các tiêu chí NTM.

2.5. Cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển GTNT.

Giai đoạn 2013 - 2015, tổng kinh phí hỗ trợ khuyến khích phát triển GTNT là 285 tỷ đồng. Qua đó, đã cải tạo, nâng cấp, cứng hóa 693,4 km mặt đường, gồm: 109,6 km đường xã; 583,8 km đường thôn (bản); Xây dựng 254

công trình trên đường. Thông qua việc thực hiện chính sách, hệ thống giao thông nông thôn đã được thông suốt quanh năm, cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh giai đoạn vừa qua.

Ngoài các cơ chế, chính sách đã được ban hành và thực hiện trong giai đoạn 2011-2015 nêu trên, giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã ban hành các cơ chế, chính sách tạo hành lang pháp lý, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp, gồm: Cơ chế, chính sách khuyến khích thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp tại Quyết định số 5643/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; Cơ chế, chính sách thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất giống cây trồng, vật nuôi tại Quyết định số 5637/QĐ-UBND ngày 31/12/2015. Các cơ chế, chính sách này hiện nay đang được triển khai thực hiện, ngay trong năm kế hoạch 2016, tỉnh đã bố trí gần 150 tỷ đồng để thực hiện các nội dung hỗ trợ của 02 chính sách trên.

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN.

1. Công tác lập quy hoạch, đề án xây dựng NTM.

Xác định công tác quy hoạch phải đi trước một bước, cùng với việc sáng tạo trong hướng dẫn, quyết liệt trong chỉ đạo, tỉnh đã ưu tiên dành nguồn lực hỗ trợ để các xã thực hiện lập quy hoạch. Đến cuối tháng 9/2012, 100% số xã đã phê duyệt xong quy hoạch xây dựng NTM và thực hiện công bố, cắm mốc quy hoạch chung, triển khai lập các quy hoạch chi tiết theo lộ trình thực hiện xây dựng NTM. Hiện nay các địa phương đang tiếp tục rà soát các quy hoạch để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch ngành, vùng và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, các xã đã triển khai lập đề án xây dựng xã NTM và đã hoàn thành từ quý I, năm 2013.

Để thực hiện có hiệu quả Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, giai đoạn 2011-2015, UBND tỉnh đã hoàn thành việc rà soát và xây dựng mới các quy hoạch: Quy hoạch tổng thể phát triển nông nghiệp; quy hoạch khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Lam Sơn - Sao Vàng; quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tập trung; quy hoạch vùng nguyên liệu cho dự án chăn nuôi bò sữa quy mô công nghiệp; quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng; quy hoạch vùng luồng thâm canh tập trung; quy hoạch tổng thể thủy lợi; quy hoạch cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn; quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn; quy hoạch bố trí ổn định dân cư các vùng thiên tai, khó khăn, biên giới, hải đảo, các khu rừng đặc dụng, khu vực có dân di cư tự do...

Đang hoàn chỉnh Quy hoạch sắp xếp, bố trí ổn định những hộ dân sống rải rác thành khu tập trung khu vực 11 huyện miền núi; rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng giai đoạn 2015 - 2025, quy hoạch vùng nguyên liệu mía đường Lam Sơn đến năm 2025; xây dựng quy hoạch chi tiết thủy lợi vùng Nam sông Chu, quy hoạch chi tiết thủy lợi vùng Bắc sông Mã đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; quy hoạch phòng, chống lũ các tuyến sông có đề

và quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng ven biển giai đoạn 2016-2025 và tầm nhìn đến năm 2030; quy hoạch vùng nguyên liệu cho các nhà máy chế biến gỗ đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; quy hoạch vùng nguyên liệu cá rô phi phục vụ chế biến, xuất khẩu, giai đoạn 2015-2025; quy hoạch bảo tồn vùng nước nội địa Sông Mã.

2. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân.

- Về sản xuất nông nghiệp:

Cùng với những kết quả về công nghiệp, dịch vụ, sản xuất nông, lâm, thủy sản giai đoạn 2011 - 2015 luôn tăng trưởng khá (tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 4%), từng bước phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, gắn với nhu cầu thị trường, phát huy được tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, từng địa phương.

Nhờ áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển dịch cơ cấu mùa vụ và đưa những bộ giống mới vào canh tác, sản xuất lương thực của tỉnh 5 năm qua đều được mùa, năng suất, sản lượng liên tục tăng, năng suất lúa hàng năm đạt gần 58 tạ/ha; sản lượng lương thực bình quân đạt 1,6 triệu tấn/năm. Tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành trồng trọt hàng năm đạt 2,9%; công tác đổi điền, dồn thửa, tích tụ ruộng đất, xây dựng cánh đồng lớn được triển khai tích cực; sản xuất trồng trọt tập trung gắn với chế biến ngày càng phát triển: vùng lúa thâm canh đạt 61.900 ha, vùng sản xuất hạt giống lúa lai F1 700 ha, vùng nguyên liệu mía 29.550 ha, vùng nguyên liệu sắn 11.868 ha, vùng cao su 18.150 ha...

Chăn nuôi phát triển tương đối ổn định, tốc độ tăng giá trị sản xuất hàng năm đạt 3,6%; quy mô, chất lượng và giá trị sản phẩm ngày một tăng; tỷ trọng đàn bò lai, bò sữa, đàn lợn nạc tăng nhanh; sản lượng thịt hơi tăng, năm 2015 đạt 220.000 tấn. Xu hướng chuyển đổi từ chăn nuôi nông hộ nhỏ lẻ sang chăn nuôi trang trại tập trung, quy mô lớn, kiểm soát dịch bệnh ngày càng phát triển. Đến nay, toàn tỉnh có 527 trang trại, gia trại: có 71 trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn; đã khởi công và xây dựng 02 khu trang trại chăn nuôi bò sữa quy mô lớn, áp dụng công nghệ cao tại Như Thanh và Yên Định (năm 2015, toàn tỉnh đã có 3.500 con bò sữa và 5.000 con bò thịt chất lượng cao). Sản lượng thịt hơi tăng từ 189,4 nghìn tấn năm 2011 lên 220 nghìn tấn năm 2015.

Sản xuất lâm nghiệp phát triển khá toàn diện, tốc độ tăng giá trị sản xuất hàng năm đạt 9,6%; tỷ lệ che phủ rừng năm 2015 đạt 52%; phát triển toàn diện cả khoanh nuôi, bảo vệ, trồng mới và khai thác hợp lý tài nguyên rừng. Hình thành và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ cho chế biến, như: vùng luồng thâm canh, vùng cây gỗ lớn... Sản lượng khai thác gỗ năm 2015 đạt 400.000 m³, tăng gấp 7,7 lần so với năm 2010. Công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng chống cháy rừng có chuyển biến tích cực.

Thủy sản phát triển cả về nuôi trồng, khai thác, chế biến và hậu cần nghề cá; tốc độ tăng giá trị sản xuất ước đạt 6,6%; sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản năm 2015 đạt 140.500 tấn, trong đó: khai thác 94.000 tấn và nuôi

trồng 46.500 tấn. Diện tích nuôi trồng thủy sản hàng năm đạt trên 18.000 ha. Năng lực đánh bắt của ngư dân được nâng lên...

- Về xây dựng và triển khai các mô hình phát triển sản xuất:

Giai đoạn 2011 - 2015, từ nguồn vốn của Trung ương và của tỉnh hỗ trợ, cùng với huy động đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn khác, các địa phương, đơn vị trong tỉnh đã thực hiện 784 mô hình phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn. Trong đó: 327 mô hình trồng trọt, 195 mô hình chăn nuôi, 185 mô hình cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, 62 mô hình nuôi trồng thủy, hải sản và 15 mô hình ngành nghề nông thôn. Thu hút 34.326 hộ gia đình tham gia.

Đa số các mô hình sản xuất được lựa chọn đã đáp ứng được yêu cầu thực tế, phù hợp với nguyện vọng của người dân và đúng với nội dung của Chương trình xây dựng NTM, lấy phát triển sản xuất là gốc để nâng cao giá trị sản xuất và thế mạnh của từng vùng, từng địa phương. Nhờ đó, đã góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân, xóa bỏ dần các thói quen sản xuất lạc hậu, nhất là khu vực miền núi, vùng đặc biệt khó khăn.

Một số mô hình đã mang lại hiệu quả kinh tế, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho người dân, như: Mô hình trồng hoa tại các xã: Quảng Tâm (TP. Thanh Hóa), Yên Trường (Yên Định), Quảng Phong (Quảng Xương); mô hình trồng ớt xuất khẩu tại các xã: Xuân Lâm (Tĩnh Gia), Xuân Du (Nhuận Thanh), Vĩnh Hưng (Vĩnh Lộc), Thọ Nguyên, Bắc Lương (Thọ Xuân), Định Bình (Yên Định); mô hình trồng ngô ngọt tại Vĩnh An (Vĩnh Lộc); mô hình trồng dưa chuột, bí xanh thuộc các huyện Hoằng Hóa, Như Thanh, Thọ Xuân, Yên Định, Nga Sơn...

Quan hệ sản xuất trong nông nghiệp tiếp tục được củng cố, phát triển, là cầu nối giữa khâu sản xuất với khâu thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 565 hợp tác xã nông, lâm, ngư nghiệp. Các khâu dịch vụ nông nghiệp đáp ứng kịp thời. Việc liên doanh, liên kết giữa các HTX với nhau và giữa HTX với các doanh nghiệp được chú trọng, ngày càng mở rộng. Một số mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị đã được thực hiện có hiệu quả ở một số địa phương, như: Yên Định, Thọ Xuân, Nga Sơn, Quảng Xương... Hiện nay, tỉnh đang triển khai thực hiện Đề án phát triển, củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hợp tác xã nông nghiệp theo Quyết định số 4752/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Đến nay, toàn tỉnh có 22.932 tổ hợp tác (THT) trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần hỗ trợ và nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các hộ thành viên, tạo việc làm và thu nhập cho một bộ phận lao động, giúp kinh tế hộ khắc phục một số hạn chế, yếu kém về vốn, công nghệ, kinh nghiệm sản xuất; sử dụng có hiệu quả hơn các nguồn lực về đất đai, nguyên liệu, vốn, lao động tại địa phương để mở mang ngành nghề, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo.

Toàn tỉnh hiện có 127 làng nghề, trong đó có 85 làng nghề truyền thống, thu hút 60.734 lao động nông nghiệp, nông thôn. Đến nay, đã công nhận được

77 nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống; gồm: 18 nghề truyền thống, 18 làng nghề và 41 nghề truyền thống.

Nhờ tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đẩy mạnh phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, nên giai đoạn 2011-2015, thu nhập bình quân của người dân nông thôn tăng từ 11,02 triệu đồng năm 2011 lên 17,95 triệu đồng năm 2014, ước năm 2015 đạt khoảng 20,3 triệu đồng; tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm từ 26,96% năm 2011 xuống còn 10,92% năm 2014, ước năm 2015 khoảng 7,5%. Đáng chú ý là thông qua thực hiện chương trình, tư duy sản xuất hàng hóa của người nông dân được nâng lên rõ rệt.

3. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hoá và bảo vệ môi trường.

- Công tác giáo dục được chú trọng, tỷ lệ trẻ em ra lớp đúng độ tuổi bậc mầm non và tiểu học đạt 100%, tỷ lệ phổ cập tiểu học và THCS đạt 100%; tỷ lệ số người trong độ tuổi từ 15 - 60 được xóa mù chữ đạt 99,1%; tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 51,2%, trong đó, có 251/573 xã đạt tiêu chí trường học; tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo từ 24,3% năm 2011 lên 32,7% năm 2014, ước năm 2015 là 35,8%.

- Công tác y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được chú trọng, tình hình dịch bệnh khi xảy ra được khoanh vùng, kiểm soát kịp thời; đến nay, toàn tỉnh có 95% số thôn, bản có tủ thuốc và cán bộ y tế, 286 xã đạt chuẩn y tế giai đoạn 2011-2020, năm 2015 có trên 70% dân số được tham gia các hình thức bảo hiểm y tế;

- Phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với phong trào xây dựng NTM đã được triển khai thực hiện sâu rộng và đạt được nhiều kết quả, số gia đình, làng, thôn, bản văn hóa, xã chuẩn văn hóa không ngừng tăng lên, đến hết năm 2015, toàn tỉnh có 714 ngàn hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, đạt tỷ lệ 77%, tăng 5,5% so với năm 2011; có 3.864 thôn, bản, làng văn hóa, đạt 70,4%, tăng 28% so với năm 2011; có 112 xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, đạt 19,3%, tăng 10% so với năm 2011.

- Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm chỉ đạo, ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường của người dân được nâng lên, tình trạng đổ rác thải sinh hoạt bừa bãi ra khu vực công cộng đã giảm đáng kể, nhiều địa phương đã thành lập các tổ tự quản, tổ chức cho nhân dân tham gia dọn vệ sinh môi trường hằng tuần. Hầu hết các xã trên địa bàn tỉnh đã có công ty cổ phần hoặc hợp tác xã dịch vụ môi trường, tổ thu gom rác thải. Tỷ lệ thu gom rác thải tại các vùng nông thôn đạt 70%. Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 84,4%; tỷ lệ hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh theo quy định đạt 52,3%, hộ gia đình có chuồng trại chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh đạt 54,48%.

4. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh và giữ gìn an ninh trật tự.

Thông qua thực hiện chương trình, đội ngũ cán bộ được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, có phẩm chất chính trị vững vàng, năng động, sáng tạo, có bước trưởng thành trong quản lý, chỉ đạo điều hành, nhiều địa phương có những cán bộ dám nghĩ, dám làm, gần dân; vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu và cấp ủy, chính quyền các địa phương được nâng lên,

phát huy được sức mạnh của cả hệ thống chính trị. Đến nay toàn tỉnh có trên 80% số Đảng bộ xã đạt danh hiệu “Trong sạch, vững mạnh”.

Thực hiện Quyết định số 375/2008/QĐ-UBND và Chỉ thị số 10/CT-UBND về đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng khu dân cư an toàn về an ninh trật tự, theo đó, tình hình an ninh cơ bản ổn định trên các lĩnh vực, địa bàn, không xảy ra các hoạt động chống đối đảng, chính quyền, truyền đạo trái pháp luật, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. 5 năm qua, Thanh Hóa là tỉnh luôn dẫn đầu về giảm tỷ lệ số người mắc các tệ nạn xã hội, không có tụ điểm phức tạp về ANTT, 84,5% số thôn không có tội phạm, 80,3 % số thôn không có tệ nạn xã hội.

5. Kết quả huy động nguồn lực và xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH.

Trong giai đoạn 2011-2015, tổng huy động vốn đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn tỉnh đạt khoảng 61.260 tỷ đồng, chiếm 19% tổng vốn đầu tư phát triển, bao gồm:

- Vốn ngân sách nhà nước: 12.650 tỷ đồng, chiếm 21%;
- Vốn tín dụng đầu tư phát triển: 12.200 tỷ đồng, chiếm 20%;
- Vốn doanh nghiệp nhà nước: 1.810 tỷ đồng, chiếm 3%;
- Vốn FDI: 14.200 tỷ đồng, chiếm 23%;
- Vốn đầu tư của khu vực dân cư và các thành phần kinh tế khác: 20.400 tỷ đồng, chiếm 33%.

Trong đó, tổng huy động nguồn lực cho chương trình xây dựng NTM giai đoạn 2011-2015 là: 27.020,452 tỷ đồng, chia ra:

- Vốn trực tiếp cho chương trình: 4.193,645 tỷ đồng, chiếm 15,52 %, gồm:
 - + Ngân sách Trung ương: 970,292 tỷ đồng;
 - + Ngân sách tỉnh: 213,303 tỷ đồng;
 - + Ngân sách huyện: 837,66 tỷ đồng;
 - + Ngân sách xã: 2.172,39 tỷ đồng.
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án khác: 12.627,825 tỷ đồng, chiếm 46,73%;
- Vốn tín dụng, ODA: 1.640,148 tỷ đồng, chiếm 6,07%;
- Vốn doanh nghiệp: 1.463,591 tỷ đồng, chiếm 5,42%;
- Vốn huy động từ cộng đồng dân cư: 7.095,243 tỷ đồng, chiếm 26,26% (trong đó: nhân dân đóng góp trực tiếp bằng tiền mặt bình quân từ 400 đến 500 nghìn đồng/nhân khẩu/năm; tham gia trên 300.000 ngày công; hiến 1.040 ha đất; đóng góp vật tư, vật liệu trị giá khoảng 283,045 tỷ đồng).

Cùng với nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, xây dựng NTM và huy động các nguồn vốn khác, toàn tỉnh đã đầu tư xây mới và nâng cấp được 4.952 km đường giao thông nông thôn các loại, trong đó: 1.367 km đường xã, liên xã; 2.016 km đường thôn, xóm; 1.569 km đường nội đồng; 1.557 km kênh mương nội đồng; nâng cấp, mở rộng các công trình điện nông thôn, đến nay, 100% số xã đã có điện lưới quốc gia, 97,2% hộ dân được sử dụng điện thường xuyên; xây

dựng mới, cải tạo, nâng cấp 276 trường tiểu học, 134 trường THCS, 354 trường mầm non; 239 công sở, 286 trạm y tế, 120 Trung tâm văn hóa - thể thao xã, 1.266 nhà văn hóa - khu thể thao thôn; 207 chợ nông thôn; chỉnh trang và xây mới hơn 57.000 nhà ở dân cư; hoàn thành và đưa vào sử dụng 44.066 công trình cấp nước sinh hoạt và công trình vệ sinh môi trường nông thôn.

6. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí Quốc gia về NTM.

Đến 31/12/2015, bình quân toàn tỉnh đạt 13,3 tiêu chí/xã, tăng 8,6 tiêu chí so với năm 2011.

- Có 113 xã đã đạt chuẩn NTM, chiếm 19,7%.
- 460 xã còn lại, mức độ đạt các tiêu chí cụ thể như sau:
 - Đạt 18 tiêu chí có 7 xã, chiếm 1,2%;
 - Đạt từ 15-17 tiêu chí có 120 xã, chiếm 20,9%;
 - Đạt từ 10-14 tiêu chí có 210, chiếm 36,6%;
 - Đạt từ 5-9 tiêu chí có 118 xã, chiếm 20,6%;
 - Đạt dưới 5 tiêu chí có 5 xã, chiếm 0,9%;

Có 01 huyện (Yên Định) được Trung ương thẩm định, công nhận huyện đạt chuẩn NTM năm 2015 (Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 560/QĐ-TTg, ngày 05/4/2016 công nhận huyện Yên Định đạt chuẩn NTM).

Có 52 thôn/bản được các huyện công nhận đạt chuẩn NTM, trong đó có 10 thôn/bản miền núi (đến nay, đã có 71 thôn bản được công nhận đạt chuẩn).

Đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM, các xã tiếp tục xây dựng kế hoạch để duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí, trong đó tập trung cho phát triển sản xuất, giảm nghèo, nâng cao thu nhập cho người dân, thực hiện tốt công tác vệ sinh, môi trường, duy trì, phát triển các hoạt động văn hóa ở nông thôn, tạo cho người dân được thụ hưởng nhiều hơn những thành quả từ xây dựng NTM đem lại. Nhiều xã vẫn tiếp tục duy trì được thế mạnh trong phát triển sản xuất, đổi điện, dồn thửa, xây dựng cánh đồng lớn, như: Nga An, Hoàng Thắng, Định Bình, Định Tiến, Định Hòa, Định Tường, Quảng Hợp, Phú Lộc, Văn Lộc; thu nhập bình quân đầu người ở các xã đều tăng khá, nhiều xã, thu nhập của người dân đạt từ 28 đến 33 triệu đồng, như Định Tân, Quý Lộc, Yên Lâm, Trường Sơn, Quảng Hợp, Nga An, Định Hòa; một số xã có tỷ lệ hộ nghèo dưới 3% như Nga Thành, Quý Lộc, Đông Văn, Tượng Văn...

C. NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ HẠN CHẾ, TỒN TẠI.

- Sản xuất nông nghiệp chưa thực sự ổn định, tăng trưởng thiếu bền vững; chuỗi sản xuất chưa hoàn chỉnh, chưa rõ nét; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chưa nhiều và chậm nhân rộng.

- Chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu thời vụ còn chậm; tiến độ tích tụ ruộng đất để xây dựng cánh đồng mẫu lớn, phục vụ sản xuất hàng hóa còn chậm. Sản xuất nông nghiệp mới chỉ tập trung khai thác tiềm năng sẵn có (đất đai, tài nguyên nước, lâm sản, thủy sản,...) mà chưa quan tâm nhiều đến sự kết hợp hài hòa giữa khai thác và bảo vệ các tiềm năng phục vụ phát triển lâu dài, bền vững.

- Công nghệ bảo quản, chế biến sau thu hoạch chưa được quan tâm đầu tư phát triển nên quy mô, chất lượng và sức cạnh tranh nông sản còn hạn chế; phần lớn nông sản đang được tiêu thụ và xuất khẩu ở dạng thô, giá trị gia tăng thấp, chưa được quan tâm xây dựng thương hiệu;

- Bước vào thực hiện Chương trình xây dựng NTM, Thanh Hóa là tỉnh có xuất phát điểm về kinh tế thấp, chưa tự cân đối được ngân sách; có trên 70% dân số sống ở vùng nông thôn; 11 huyện và 210 xã miền núi, trong đó có 102 xã thuộc 7 huyện nghèo đang thực hiện các chính sách theo Nghị quyết 30a, 37 xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển; trình độ dân trí của người dân khu vực miền núi còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, do đó, gặp nhiều khó khăn trong triển khai cũng như huy động nguồn lực để thực hiện chương trình.

- Tốc độ phát triển giữa miền núi và miền xuôi có sự chênh lệch cao, khoảng cách ngày càng doãng ra, nên phong trào cũng như kết quả xây dựng NTM giữa các vùng miền chưa đồng đều, bên cạnh đó, một số địa phương chưa tích cực và thiếu quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo; vai trò trách nhiệm của người đứng đầu ở một số cấp ủy, chính quyền chưa được phát huy, đến nay, toàn tỉnh vẫn còn 05 xã đạt dưới 5 tiêu chí thuộc huyện Mường Lát; 05 huyện (Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa, Lang Chánh, Bá Thước) và thị xã Bỉm Sơn chưa có xã đạt chuẩn NTM.

- Công tác vệ sinh môi trường mặc dù đã được quan tâm, tập trung chỉ đạo, thực hiện đạt được những kết quả đáng mừng, song tại các khu sản xuất, chế biến nông sản, các làng nghề ở khu vực nông thôn còn tiềm ẩn nguy cơ cao về ô nhiễm môi trường nhưng chưa có những giải pháp hữu hiệu để hạn chế, khắc phục.

- Một số địa phương nặng về đầu tư kết cấu hạ tầng, trong khi khả năng cân đối nguồn lực cũng như giải pháp huy động nguồn vốn đối ứng thiếu tính khả thi, dẫn đến tình trạng còn nợ đọng trong xây dựng cơ bản ở một số xã.

- Phong trào thi đua chung sức xây dựng NTM giữa các vùng, các huyện trong tỉnh, giữa các xã trong huyện và giữa các ngành chưa đồng đều, kết quả còn hạn chế.

- Việc phân bổ vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương thuộc Chương trình xây dựng NTM đối với Thanh Hóa tính bình quân theo số lượng đơn vị hành chính cấp xã và theo mức độ khó khăn thì Thanh Hóa được hỗ trợ rất thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế của tỉnh. Việc lồng ghép nguồn vốn của các chương trình, dự án khác trên địa bàn trong giai đoạn 2011-2015 còn khó khăn.

- Thanh Hóa có 102 xã/7 huyện thuộc 62 huyện nghèo nhất cả nước đang thực hiện các chính sách theo Nghị quyết 30a, 93 xã hưởng chính sách theo chương trình 135. Các xã này có điều kiện khó khăn tương tự khu vực Trung du miền núi phía Bắc, nhưng lại đang áp dụng theo chỉ tiêu khu vực Bắc Trung Bộ nên việc đánh giá mức độ đạt chuẩn NTM chưa phù hợp và tương đồng với khu vực có cùng điều kiện.

D. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020.

I. Mục tiêu.

1. Mục tiêu chung.

Chuyển dịch nhanh và hợp lý cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với chuyển đổi mạnh mẽ các hình thức tổ chức sản xuất, tạo sự bứt phá về phát triển nông nghiệp trong giai đoạn tới. Chuyển mạnh nền sản xuất nông nghiệp phát triển theo số lượng sang nền sản xuất nông nghiệp gắn với chế biến nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, có hàng hóa cạnh tranh trên thị trường trong tỉnh, trong nước, khu vực và quốc tế để nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa quy mô lớn, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao. Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp, nông thôn; nâng cao thu nhập của dân cư nông thôn; nâng cao trình độ dân trí, bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Mục tiêu cụ thể.

- Tốc độ tăng trưởng ngành nông, lâm, thủy sản bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 2,9%/năm, trong đó: Nông nghiệp 2,3%, lâm nghiệp 6,8%, thủy sản 5,6%.

- Cơ cấu giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đến năm 2020: Nông nghiệp chiếm 73% (trong nông nghiệp: Trồng trọt 48%, chăn nuôi 45% và dịch vụ 7%), lâm nghiệp 8%, thủy sản 19%.

- Tổng sản lượng lương thực bình quân hàng năm giữ ổn định 1,5 triệu tấn.

- Tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2020 đạt 53,03%.

- Tỷ lệ sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn đến năm 2020 đạt 100%, trong đó sản phẩm ứng dụng công nghệ cao đạt 30%.

- Nâng thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 tăng 2,5 lần so với năm 2014.

- Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2020 đạt 95%.

- Phần đầu đến năm 2020 toàn tỉnh có 55,8% xã đạt chuẩn nông thôn mới, 5 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới; có 20% số thôn, bản miền núi đạt chuẩn NTM trở lên.

II. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.

1. Đẩy mạnh tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, nông nghiệp sạch, ứng dụng công nghệ cao, tạo ra sản phẩm có năng suất, chất lượng, có khả năng cạnh tranh cao và phát triển bền vững. Tập trung giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, thực hiện tốt chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội.

Chỉ đạo triển khai có kết quả Nghị quyết số 16-NQ/TU của Tỉnh ủy về tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh và phát triển bền vững. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch trong sản xuất nông nghiệp và xây dựng NTM, thực hiện đổi điền, dồn thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn; Phát triển các loại cây trồng có giá trị theo hướng tập trung, quy mô lớn, gắn với ứng dụng tiến bộ kỹ thuật từ giống, canh tác, cơ giới hóa, quản lý dịch bệnh, tạo ra chuỗi sản xuất hợp lý, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của sản phẩm và thân thiện với môi trường. Phát triển chăn nuôi nông hộ có kiểm soát; khuyến khích phát triển chăn nuôi trang trại tập trung, công nghệ cao, theo chuỗi giá trị; Phát triển thủy sản cả nuôi trồng, khai thác gắn với chế biến và dịch vụ hậu cần nghề cá.

Rà soát, điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông, lâm, thủy sản; thực hiện tốt chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác; phát triển các hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị giữa nông dân với hợp tác xã, trang trại, doanh nghiệp.

Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn; Ưu tiên hỗ trợ dạy nghề cho các đối tượng hộ nghèo, cận nghèo, người dân tộc thiểu số, người bị thu hồi đất nông nghiệp, ngư dân.

Thúc đẩy mạnh mẽ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ ở nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm; Triển khai thực hiện tốt các chương trình giảm nghèo;

2. Phát huy thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, huy động tối đa mọi nguồn lực, nhất là nguồn lực trong dân, kết hợp lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, dự án để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại các xã, thôn, bản, đáp ứng yêu cầu tiêu chí NTM và tạo tiền đề cho phát triển kinh tế xã hội khu vực nông thôn.

Bám sát quy hoạch, đề án, phát huy dân chủ, công khai, minh bạch trong huy động và sử dụng nguồn lực để tạo sự tin tưởng, đồng thuận của nhân dân, phát huy cho được vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng trong việc tham gia xây dựng NTM. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình MTQG, chương trình hỗ trợ có mục tiêu và các chương trình, dự án khác đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo hướng tập trung, không dàn trải.

Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn, như: Đường giao thông nông thôn, nhất là đường đến trung tâm xã hu vực miền núi; đường trục thôn, đường trục chính nội đồng (ở các vùng sản xuất hàng hóa tập trung); Các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt và sản xuất; Hệ thống các công trình phục vụ việc chuẩn hóa về giáo dục; Nhà văn hóa - khu thể thao thôn, trung tâm văn hóa - thể thao xã; Các công trình vệ sinh, nước sinh hoạt hộ gia đình nông thôn...

Tiếp tục rà soát, đánh giá để củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt được, nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng cuộc sống của người dân và xây dựng NTM bền vững.

3. Phát triển văn hóa, y tế, giáo dục, bảo vệ môi trường và an ninh trật tự trên địa bàn nông thôn.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để tạo chuyển biến mạnh mẽ, rõ nét nhóm các tiêu chí văn hóa - xã hội - môi trường thông qua việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; đổi mới trong hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, tạo chuyển biến hơn nữa về các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, môi trường, an ninh trật tự, từ đó, tạo nhiều cơ hội cho người dân nông thôn được tham gia, thụ hưởng các lợi ích của văn hóa, y tế, giáo dục từ thành quả của xây dựng NTM mang lại.

4. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, tập huấn trong Chương trình Phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM.

Tổ chức tuyên truyền thường xuyên, đa dạng về hình thức, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, qua sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể chính trị, xã hội; nội dung tuyên truyền phải phong phú, cập nhật những chủ trương, định hướng mới của Đảng về xây dựng NTM, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động cũng như vai trò, vị trí của Chương trình xây dựng NTM.

5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp, huy động các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội tham gia thực sự có hiệu quả trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

Tiếp tục kiện toàn Ban chỉ đạo Chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng NTM từ tỉnh đến cơ sở để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên BCD; hoàn thiện bộ máy giúp việc cho Ban chỉ đạo các cấp theo Quyết định số 1996/QĐ-TTg ngày 04/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ và các đoàn thể nhân dân, doanh nghiệp và mỗi cán bộ, đảng viên trong xây dựng NTM, tạo thống nhất trong chỉ đạo và đạt kết quả cao trong tổ chức thực hiện. Phát huy vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp; lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình làm thước đo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Đề cao vị trí, vai trò và tầm quan trọng của doanh nhân, doanh nghiệp đối với phát triển nông nghiệp, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

E. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ.

1. Đề nghị Trung ương sớm ban hành Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020 làm cơ sở cho các địa phương triển khai thực hiện.

2. Đề nghị Trung ương nghiên cứu, ban hành cơ chế, hỗ trợ mô hình phát triển sản xuất theo hướng hỗ trợ lãi suất, hoặc cho vay với lãi suất ưu đãi

thông qua các tổ chức như Tổ hợp tác, HTX, doanh nghiệp hoặc tổ chức chính trị xã hội ở địa phương thực hiện thay vì hỗ trợ trực tiếp như hiện nay.

3. Đề nghị Trung ương căn cứ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng NTM Trung ương hàng năm, xem xét, ưu tiên phân bổ vốn tương xứng với tỷ lệ số lượng đơn vị hành chính cấp xã của các địa phương, đáp ứng nhu cầu xây dựng NTM của tỉnh trong giai đoạn tới.

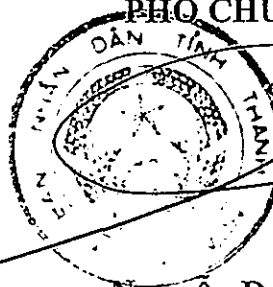
4. Đề nghị Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương cân đối Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 cho các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và PTNT của tỉnh Thanh Hoá; tăng nguồn hỗ trợ cho tỉnh thực hiện Chương trình bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

5. Đề nghị Trung ương nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách đặc thù trong xây dựng NTM cho các xã, thôn, bản vùng đặc biệt khó khăn; sửa đổi, bổ sung bộ tiêu chí xã NTM cho phù hợp với giai đoạn mới, làm cơ sở cho các địa phương thực hiện, như: tiêu chí thu nhập, hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều), tỷ lệ người dân tham gia các hình thức BHYT./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, khóa 13 (để báo cáo);
- Văn phòng Quốc hội (để báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- VP Điều phối Trung ương;
- T. trực Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC, VPĐP tỉnh;
- Lưu: VT, Pg NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Quyền